TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 12 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý sơ thẩm số 02/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: Số B, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng A– Chi nhánh K theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023 của Ngân hàng A.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng T: Bà Lê Thị H – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro – Ngân hàng A– Chi nhánh K; địa chỉ: Tổ E, khu phố F, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước theo Giấy ủy quyền số 981/2023/GUQ-CNCT ngày 29/12/2023 của Ngân hàng A

- *Bị đơn:* Công ty M; địa chỉ: Ấp N, xã I, huyện J, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước – Chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:* Ông Dương Quang T1, sinh năm 1973; nơi thường trú: Tổ 9, khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước.

Bà H có mặt. Bà L, ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày*:

Quá trình cho vay, ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo đảm:

Ngày 04/05/2022, Công Ty M (đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị L) ký hợp đồng tín dụng số 202226606887 với Ngân hàng A– Chi nhánh K theo các nội dung như sau: Số tiền vay: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 1 (một) năm từ ngày 04/05/2022 đến ngày 04/05/2023. Thời gian mỗi Giấy nhận nợ: Tối đa không quá 9 tháng. Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả cuối kỳ theo từng Giấy nhận nợ.

Ngày 31/07/2023, Công Ty M ký thỏa Tận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202226606887 theo các nội dung sau: Số tiền vay: 6.100.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng : 1 (một) năm từ ngày 31/07/2023 đến ngày 31/07/2024. Thời gian mỗi Giấy nhận nợ: Tối đa không quá 9 tháng. Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả cuối kỳ theo từng Giấy nhận nợ. Thông tin các Giấy nhận nợ cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ	Ngày phát sinh	Ngày kết thúc	Số tiền vay
16/LD2330500006	01/11/2023	29/04/2024	1.600.000.000
17/LD2330600201	02/11/2023	02/05/2024	1.700.000.000
18/LD2330700077	03/11/2023	03/05/2024	1.600.000.000
19/LD2331100139	07/11/2023	07/05/2024	1.200.000.000
Tổng cộng			6.100.000.000

Hiện khoản vay đã quá hạn từ ngày 15/01/2024 đến nay quá hạn 180 ngày. Để đảm bảo cho khoản vay trên: Bà Dương Thị L và chồng là ông Dương Quang T đã thế chấp các bất động sản gồm:

- Thửa đất tọa lạc tại xã I, huyện J, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CY322439, số vào sổ CS04375 được sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/01/2021 cho Ông Dương Quang T và bà Dương Thị L (Cập nhật biến động ngày 29/05/2021, ngày 24/01/2022 và ngày 14/04/2022) theo Hợp đồng thế chấp số 260/TC ngày 04/05/2022.

- Thửa đất tọa lạc tại khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DĐ 439439, số vào sổ CS 16552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T và bà Dương Thị L ngày 28/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 261/TC ngày 04/5/2022 và thảo Tận sửa đổi, bổ sung số 01/261/TC ngày 31/7/2023.

- Thửa đất tọa lạc tại khu phố 10, phường khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC 942193, số vào sổ CS 16692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T ngày 13/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 501/TC ngày 31/7/2023.

Như vậy, tính đến hết ngày 12/7/2024 Công Ty M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 6.427.274.382 đồng, trong đó gốc 6.100.000.000 đồng, lãi 327.274.382 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

Căn cứ theo lịch trả nợ của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và Công Ty M, khách hàng phải thanh toán lãi phát sinh, tuy nhiên Công Ty M không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết, do đó món nợ đã bị chuyển quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ trực tiếp đến Công Ty M, tuy nhiên khách hàng vẫn không có thiện chí trả nợ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi, Ngân hàng đề giải quyết theo những vấn đề sau:

1. Buộc Công Ty M phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 6.427.274.382 đồng, trong đó gốc 6.100.000.000 đồng, lãi 327.274.382 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

2. Trường hợp Công Ty M không trả được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp.

3. Bị đơn phải chịu tất cả án phí và các chi phí L quan khác.

4. Nếu số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Công Ty M có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng A.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn nộp toàn bộ án phí và chi phí tố tụng khác. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn Công Ty M:*

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Dương Quang T:*

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông T biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý và giao thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm các quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty M phải thanh toán số tiền gốc 6.100.000.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 202226606887, hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/202226606887, các giấy nhận nợ. Trường hợp bị đơn Công ty M không thanh toán được các khoản nợ trên thì nguyên đơn Ngân hàng A được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 202226606887 ngày 04/5/2022 và thỏa Tận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202226606887; các giấy nhận nợ ngày 01/11/2023, ngày 02/11/2023, ngày 03/11/2023, ngày 07/11/2023 thì giữa nguyên đơn Ngân hàng A và bị đơn Công ty M có ký kết hợp đồng tín dụng với các thỏa Tận như sau: hạn mức cho vay 6.100.000, thời hạn cho vay của từng khoản cấp tín dụng được xác định cụ thể trong từng giấy xác nhận nợ, việc giải ngân chậm nhất đến hết ngày 31/7/2024 đồng, lãi suất 7.8%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 1 năm từ ngày 31/07/2023 đến ngày 31/07/2024, thời gian mỗi Giấy nhận nợ tối đa không quá 9 tháng, phương thức trả nợ (lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả cuối kỳ) theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gồm các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau: Thửa đất tọa lạc tại xã I, huyện J, tỉnh Bình Dương Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CY 322439, số vào sổ CS 04375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Dương Quang T và bà Dương Thị L ngày 06/01/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 260/TC ngày 04/5/2022 (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 37). Thửa đất tọa lạc tại kc hu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DĐ 439439, số vào sổ CS 16552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T và bà Dương Thị L ngày 28/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 261/TC ngày 04/5/2022 và thảo Tận sửa đổi, bổ sung số 01/261/TC

ngày 31/7/2023 (thửa đất số 314, tờ bản đồ số 13). Thửa đất tọa lạc tại Khu phố 10, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC 942193, số vào sổ CS 16692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T ngày 13/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 501/TC ngày 31/7/2023 (thửa đất số 704, tờ bản đồ số 2).

Hiện nay, nguyên đơn Ngân hàng A cho rằng bị đơn Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên khởi kiện với các yêu cầu như trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bị đơn nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Như vậy, giữa nguyên đơn Ngân hàng A và bị đơn Công ty M tồn tại hợp đồng dân sự (tín dụng), vay có kỳ hạn, có lãi, việc bị đơn Công ty M không thanh toán số tiền gốc, lãi đã vi phạm sự thỏa Tận của các bên nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, toà án thu thập và quy định định của pháp luật tại Điều 463, 466, 468, 470 BLDS 2015, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ,Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc, tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Các bên đương sự tranh chấp hợp đồng tín dụng số 202226606887 ký ngày 04/6/2022 có mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng về kinh doanh, thương mại.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở tại xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 04/05/2022, Công Ty M (đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị L) ký hợp đồng tín dụng số 202226606887 với Ngân hàng A– Chi nhánh K theo các nội dung như sau: Số tiền vay: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 1 (một) năm từ ngày 04/05/2022 đến ngày 04/05/2023. Thời gian mỗi Giấy nhận nợ: Tối đa không quá 9 tháng. Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả cuối kỳ theo từng Giấy nhận nợ.

Ngày 31/07/2023, Công Ty M ký thỏa Tận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202226606887 theo các nội dung sau: Số tiền vay: 6.100.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 1 (một) năm từ ngày 31/07/2023 đến ngày 31/07/2024. Thời gian mỗi Giấy nhận nợ: Tối đa không quá 9 tháng. Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả cuối kỳ theo từng Giấy nhận nợ. Thông tin các Giấy nhận nợ cụ thể như sau: Giấy nhận nợ số 16/LD2330500006, ngày phát sinh: 01/11/2023, ngày kết thúc: 29/04/2024, số tiền vay: 1.600.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 17/LD2330600201, ngày phát sinh: 02/11/2023, ngày kết thúc: 02/5/2024, số tiền vay: 1.700.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 18/LD2330700077, ngày phát sinh: 03/11/2023, ngày kết thúc: 03/5/2024, số tiền vay: 1.600.000.000 đồng. Giấy nhận nợ số 19/LD2331100139, ngày phát sinh: 07/11/2023, ngày kết thúc: 07/5/2024, số tiền vay: 1.200.000.000 đồng. Tổng cộng là 6.100.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

1. Thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 2501,4 m^2 (trong đó có 200 m^2 đất ONT và 2301,4 m^2 đất CLN) Tộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại lạc xã I, huyện J, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CY322439, số vào sổ CS04375 được sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/01/2021 cho Ông Dương Quang T và bà Dương Thị L (Cập nhật biến động ngày 29/05/2021, ngày 24/01/2022 và ngày 14/04/2022) theo Hợp đồng thế chấp số 260/TC ngày 04/05/2022.

2. Thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 252,9 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất OĐT và 152,9 m^2 đất CLN Tộc thửa đất số 704, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu phố 10, khu phố F, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC 942193, số vào sổ CS 16692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T ngày 13/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 501/TC ngày 31/7/2023.

3. Thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 598,1 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất OĐT và 548,1 m^2 đất CLN Tộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DĐ 439439, số vào sổ CS 16552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T và bà Dương Thị L ngày 28/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 261/TC ngày 04/5/2022 và thỏa Tận sửa đổi, bổ sung số 01/261/TC ngày 31/7/2023.

Việc thế chấp đã được ông Dương Quang T cùng bà Dương Thị L và Ngân hàng A– Chi nhánh K ký kết các hợp đồng thế chấp như sau: Hợp đồng thế chấp số 501/TC ngày 31/7/2023, Hợp đồng thế chấp số 260/TC ngày 04/05/2022, Hợp đồng thế chấp số 261/TC ngày 04/5/2022 và thỏa Tận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202226606887 ngày 31/7/2023, được công chứng tại Phòng công chứng Đỗ Đình H1, tỉnh Bình Phước. Các Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, do làm ăn gặp khó khăn nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 15/01/2024 đến nay. Nguyên đơn đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T không lên Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định giữa các bên đương sự đã thực hiện giao kết hợp đồng tín dụng được quy định tại Điều 385, 463, 470 Bộ luật Dân sự 2015, đây là giao dịch dân sự không vi phạm quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật lề lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hành Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có hiệu lực.

[2.2] Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nói trên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 15/01/2024 đến nay. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 12/7/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 6.427.274.382 đồng (sáu tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi hai đồng), trong đó gốc 6.100.000.000 đồng, lãi 327.274.382 đồng (gồm 181.106.970 đồng tiền lãi trong hạn, 139.887.212 đồng tiền lãi quá hạn, 6.280.291 đồng lãi phạt vi phạm). Tại

thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa Tận với nguyên đơn theo các Hợp đồng, văn bản đã ký với nguyên đơn.

Như vậy, theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với các khoản vay trên. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa Tận tại hợp đồng tín dụng số 202226606887 ngày 04/5/2022, kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, các bên đã thỏa Tận lãi suất trong hạn và quá hạn cho từng khoản vay. Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản vay cho nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay để xử lý T hồi nợ cho nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu số tiền T được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho nguyên đơn, thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay, yêu cầu trên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thì tài sản thế chấp vẫn còn nguyên hiện trạng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu toàn bộ các chi phí tố tụng khác.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn Công Ty M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc Công Ty M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 6.427.274.382 đồng (sáu tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi hai đồng), trong đó gồm có nợ gốc 6.100.000.000 đồng, lãi 327.274.382 đồng (gồm 181.106.970 đồng tiền lãi trong hạn, 139.887.212 đồng tiền lãi quá hạn, 6.280.291 đồng lãi phạt vi phạm) tạm tính đến ngày 12/7/2024.

Kể từ ngày 12/7/2024, Công Ty M còn phải chịu tiền lãi của số tiền vay gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả Tận theo Hợp đồng tín dụng số 202226606887 ngày 04/5/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền vay gốc và lãi phát sinh.

2. Trường hợp Công Ty M không thanh toán được số tiền nêu trên thì Ngân hàng A(Sacombank) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết số: Hợp đồng thế chấp số 501/TC ngày 31/7/2023, Hợp đồng thế chấp số 260/TC ngày 04/05/2022, Hợp đồng thế chấp số 261/TC ngày 04/5/2022 và thỏa Tận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202226606887 ngày 31/7/2023, được công chứng tại Phòng công chứng Đỗ Đình H1, tỉnh Bình Phước đối với các tài sản: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 2501,4 m^2 (trong đó có 200 m^2 đất ONT và 2301,4 m^2 đất CLN) c Tộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã I, huyện J, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CY322439, số vào sổ CS04375 được sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/01/2021 cho Ông Dương Quang T và bà Dương Thị L (Cập nhật biến động ngày 29/05/2021, ngày 24/01/2022 và ngày 14/04/2022) theo Hợp đồng thế chấp số 260/TC ngày 04/05/2022. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 252,9 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất OĐT và 152,9 m^2 đất CLN Tộc thửa đất số 704, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu phố 10, phường khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC 942193, số vào sổ CS 16692 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T ngày 13/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 501/TC ngày 31/7/2023. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 598,1 m^2

(trong đó có 50 m^2 đất ODT và 548,1 m^2 đất CLN Tộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố U, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Phước Tộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DĐ 439439, số vào sổ CS 16552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Dương Quang T và bà Dương Thị L ngày 28/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 261/TC ngày 04/5/2022 và thỏa Tận sửa đổi, bổ sung số 01/261/TC ngày 31/7/2023.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng A thì Công Ty M có trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng A.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 57.069.949 đồng (năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm bốn chín đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002652 ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện J, tỉnh Bình Dương.

- Công Ty M phải nộp 114.427.274 đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

4. Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Ngân hàng A đã nộp tạm ứng nên Công Ty M phải nộp để trả lại cho Ngân hàng A.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện J;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Nguyễn Minh Sơn